TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **200**/2021/QĐST-HNGĐ	*Bù Đăng, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị K, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
2. *Bị đơn:* Anh Hồ A X, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Bà Sỳ Thị N, sinh năm: 1958
- Anh Hồ Chín D, sinh năm: 1978
Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Chị Hồ Nhít K, sinh năm 1982
- Chị Hồ Sửu K1, sinh năm 1985
Cùng địa chỉ: Thị trấn C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
- Chị Hồ Thị L, sinh năm 1987
- Chị Hồ Thị B, sinh năm 1990
- Anh Hồ Văn T, sinh năm 1992
- Anh Hồ Văn C, sinh năm 1995
- Anh Hồ Văn U, sinh năm 1998
Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Xám và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N, anh D, chị K, chị K1, chị L, chị B, anh C, anh U*: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1992.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Kéo*: Ông Nguyễn Thành T- Luật sư của Công ty A.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 89 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Lý Thị K với bị đơn anh Hồ A X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ A X và chị Lý Thị K thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Hồ A X, sinh năm 1980 không phải là cha đẻ của cháu Hồ Gia H, sinh ngày 14/11/2013 trong giấy khai sinh được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 17/12/2013.

Anh Hồ A X giao cháu Hồ Gia H cho chị Lý Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vào ngày 02/12/2021.

2.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Lý Thị K, bị đơn anh Hồ A X và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sỳ Thị N, anh Hồ Chín D, chị Hồ Nhít K, chị Hồ Sửu K1, chị Hồ Thị L, chị Hồ Thị B, anh Hồ Văn T, anh Hồ Văn C, anh Hồ Văn U thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao cho bà Sỳ Thị N, sinh năm 1958, địa chỉ Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 38.322m^2 , thuộc thửa đất số 123 và thửa số 310, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00211 ngày 19/12/2007 cho hộ ông Hồ A X và bà Lý Thị K. Bà Sỳ Thị N được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với hai thửa đất nêu trên.

Anh Hồ A X có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lý Thị K giá trị tài sản chung là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) vào ngày 02/12/2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Về nợ chung: Chị Lý Thị K và anh Hồ A X xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 10.700.000 đồng (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng), chị Lý Thị K tự nguyện chịu, chị Kéo đã nộp đủ khoản tiền này.

2.6. Về án phí:

Các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí HNGĐ - ST là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nguyên đơn chị Lý Thị K nhận nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

14.300.000 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0010074 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả cho chị K số tiền 14.150.000 đồng *(Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện Bù Đăng;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào